

Số: 2497/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 02 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
Xây dựng khu dân cư thôn Trung Hải, xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng khu dân cư thôn Trung Hải, xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh” họp chính thức ngày 04/6/2021, Thông báo kết quả thẩm định số 2102/STNMT-MT ngày 09/6/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng khu dân cư thôn Trung Hải, xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh” đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản giải trình số 20/CV-MT ngày 14/6/2021 của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Châu Tuấn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2354/TTr-STNMT ngày 25/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường (sau đây gọi là Báo cáo ĐTM) Dự án “Xây dựng khu dân cư thôn Trung Hải, xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh” của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Châu Tuấn (sau

đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm sau đây:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.


2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án là căn cứ để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

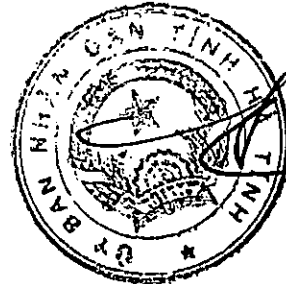
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND huyện Can Lộc; Chủ tịch UBND xã Thiên Lộc; Giám đốc Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Châu Tuấn (Chủ dự án) và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó VP (phụ trách);
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL₂. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Sơn

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
Xây dựng khu dân cư thôn Trung Hải, xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc
(Kèm theo Quyết định số 2497/QĐ-UBND ngày 02/7/2021 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Tên dự án: “Xây dựng khu dân cư thôn Trung Hải, xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh”.

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Châu Tuấn.

Địa chỉ liên hệ: khối phố 5, thị trấn Xuân An, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh

1.3. Phạm vi, quy mô, địa điểm thực hiện dự án:

- Phạm vi, địa điểm thực hiện dự án: thuộc địa giới hành chính thôn Trung Hải, xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh với tổng diện tích quy hoạch là 90.441m². Khu đất có vị trí tiếp giáp như sau:

+ Phía Đông Bắc: giáp nhà văn hóa và khu dân cư, dài 129,1m;

+ Phía Đông Nam: giáp đường Quốc lộ 281, dài 683m;

+ Phía Tây Nam: giáp đất khu dân cư, dài 106,8m;

+ Phía Tây Bắc: giáp khe Côn Môn, dài 713,1m.

1.4. Các hạng mục, công trình chính của dự án:

- Quy hoạch đất ở (182 lô), tổng diện tích 37.059m²;

- Mở rộng nhà văn hóa thôn Trung Hải tiếp giáp với khu vực nhà văn hóa hiện có (mở rộng về phía Tây Nam), diện tích 1.402m²;

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (hệ thống xử lý nước thải công suất 120m³/ngày.đêm; hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thu gom, thoát nước thải và lưu giữ chất thải rắn; hệ thống giao thông; hệ thống cấp điện; hệ thống cấp nước; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; cây xanh và hạ tầng kỹ thuật khác theo quy hoạch chi tiết dự án được duyệt), diện tích 51.980m².

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Trong giai đoạn thi công xây dựng dự án bao gồm các tác động môi trường chính: bụi, khí thải do hoạt động thi công xây dựng, nước mưa chảy tràn, nước thải xây dựng và sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại,...

2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải thi công xây dựng: $2,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Nước xịt rửa bánh xe: $1,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Nước thải sinh hoạt của công nhân: $2,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Nước mưa chảy tràn: $1.008 \text{ m}^3/\text{h}$ (tính cho thời điểm có lượng mưa lớn nhất).

2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi do hoạt động thi công xây dựng.
- Khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, thi công xây dựng.

2.1.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Đất bóc phong hóa, hữu cơ: $20.215,81 \text{ m}^3$.
- Chất thải rắn sinh hoạt: ước tính $25 \text{ kg}/\text{ngày}$.
- Chất thải rắn xây dựng: ước tính $10 \text{ kg}/\text{ngày}$ (Bao bì đựng phụ gia, cọc chống, ván cốt pha gãy nát, sắt thép vụn và các thiết bị hỏng hóc trong quá trình thi công xây dựng,...); vỏ bao xi măng khoảng 4.014 kg .
- Bùn cặn từ hồ lắng nước xịt rửa xe: $0,2 \text{ m}^3/3 \text{ tháng}$.
- Bùn cặn từ nhà vệ sinh lưu động: $0,006 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Giẻ lau dính dầu mỡ, dầu mỡ thải, hộp đựng xăng dầu nhớt ước tính $3-5 \text{ kg}/\text{tháng}$.
- Chất thải nguy hại từ khu vực lán trại công nhân: bao gồm pin thải, bóng đèn huỳnh quang,... với khối lượng phát sinh khoảng $02 \text{ kg}/\text{tháng}$.

2.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

Trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động bao gồm các tác động môi trường chính: bụi, khí thải từ phương tiện giao thông, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại,...

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước mưa chảy tràn: lưu lượng lớn nhất ước tính $1.008 \text{ m}^3/\text{h}$.
- Nước thải sinh hoạt: ước tính $112,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Khí thải, mùi hôi từ khu vực tập kết chất thải, trạm xử lý nước thải.
- Bụi từ các phương tiện ra vào khu dân cư.

2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: $412,5 \text{ kg}/\text{ngày}$.

- Chất thải xây dựng: từ hoạt động thi công các công trình nhà ở và hoàn thiện nội thất nhà, bao gồm: Gạch, vữa trộn rơi vãi, gạch ốp lát hư hỏng, sơn bả tường rơi vãi, dây điện hỏng,... với khối lượng không nhiều, thời điểm phát sinh không tập trung mà phụ thuộc vào thời điểm thi công xây dựng của mỗi hộ gia đình trong khu dân cư.

2.2.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Dè lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang hỏng, hộp mực in, pin, bo mạch điện tử: ước tính 06 - 12 kg/tháng.

2.2.5. Quy mô, tính chất của chất thải khác:

- Bùn thải từ bể tự hoại: 117,98 m³/2 năm.
- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: 22,28 kg/ngày.
- Bùn nạo vét mương thoát nước: khoảng 1,0m³/lần nạo vét.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

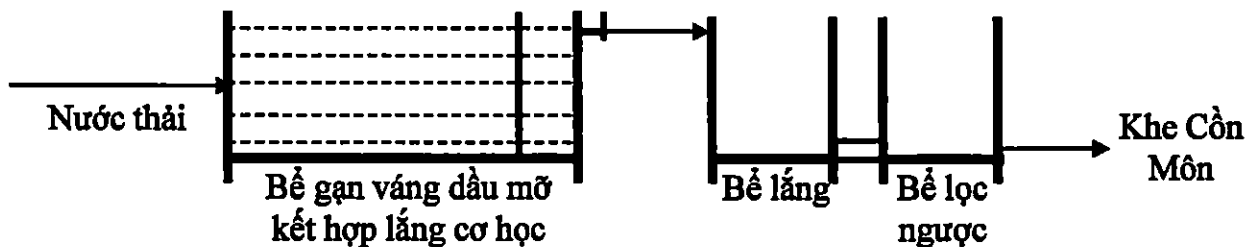
3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

3.1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:

- Nguồn tiếp nhận nước thải: khe Cồn Môn.

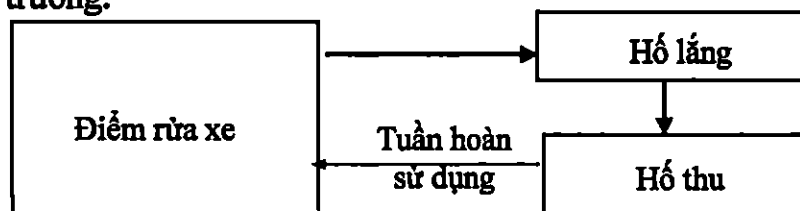
- Quy trình, công nghệ xử lý nước thải:

+ Nước thải xây dựng: phải thu gom xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$) trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận.



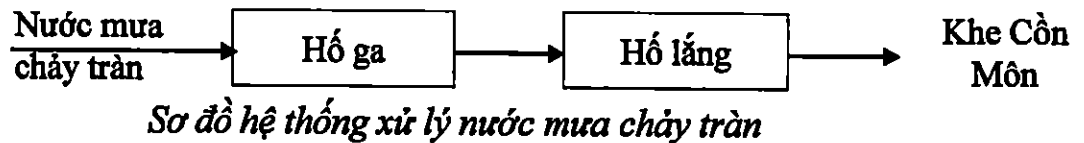
Sơ đồ công trình, quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải xây dựng

+ Nước thải xịt rửa xe: xử lý qua hệ thống gồm hồ lắng có kích thước khoảng 1x1,5x1m và hố thu có kích thước 2x2x1m. Nước từ hố thu sau đó được sử dụng tuần hoàn. Phương pháp xử lý bằng lắng cơ học, sau đó tuần hoàn sử dụng lại, không thải ra môi trường.



Sơ đồ quy trình xử lý nước xịt rửa xe

+ Nước mưa chảy tràn: đào mương thu gom toàn bộ nước phát sinh khi có mưa xuống khu vực thi công; có bố trí các hố ga và song chắn rác, dẫn vào hố lắng trước khi chảy vào nguồn tiếp nhận (khoảng cách 50m/hố ga, số lượng khoảng 145 hố ga; mương thoát dạng hình thang, đáy dưới rộng 30cm, đáy trên rộng 60cm, cao 40cm).

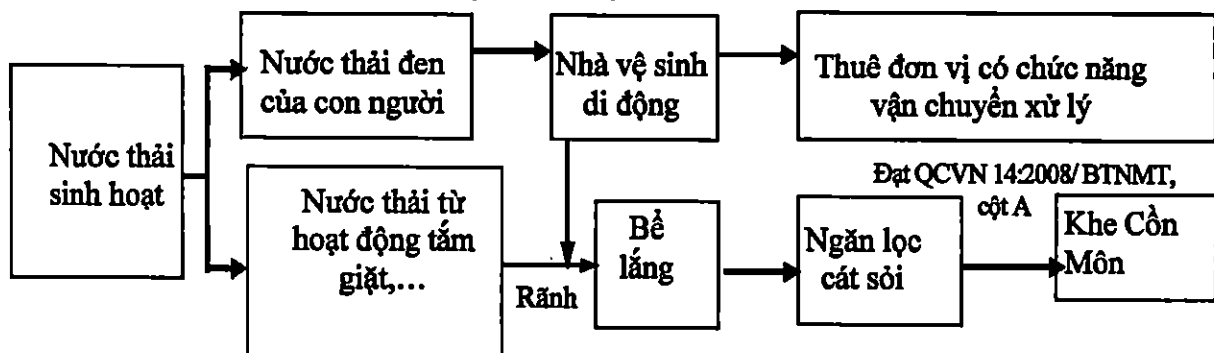


+ Nước thải sinh hoạt:

➤ Dòng thứ nhất là nước thải từ quá trình đào thải của con người (phân, nước tiểu): Lắp đặt 02 nhà vệ sinh lưu động bằng vật liệu composite gần khu lán trại thu gom, xử lý nước thải đen của con người, nước thải sau đó cùng với nước thải sinh hoạt từ quá trình tắm, rửa, vệ sinh khác, dẫn vào hệ thống lắng lọc để tiếp tục được xử lý.

➤ Dòng thứ hai là nước thải từ quá trình tắm, rửa, vệ sinh khác... được thu gom vào bể lắng để xử lý cặn và các chất lơ lửng có kích thước lớn, sau đó tiếp tục cho chảy qua bể lọc ngược với các vật liệu cát, sỏi và than hoạt tính để lọc sạch các chất lơ lửng, cặn lắng còn lại có trong nước thải và sau đó được dẫn qua bể khử trùng để xử lý các vi khuẩn rồi mới thải ra môi trường tiếp nhận.

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đạt giá trị giới hạn theo quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột A với hệ số k = 1,2 trước khi thải ra khe Cồn Môn.



Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt

3.1.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

- Phun nước tưới ẩm 02-06 lần/ngày (tùy vào thời tiết những ngày không mưa).

- Bố trí 01 điểm rửa xe trong khu vực dự án, trước khi ra khỏi công trường, che chắn khu vực thi công.

- Các phương tiện thi công, vận chuyển phải kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ, đăng kiểm, đăng ký tình trạng máy móc đầy đủ.

3.1.3. Về công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Đối với 20.215,81m³ đất bóc phong hóa, hữu cơ: 7.814,47m³ khối lượng đất đào sẽ được tận dụng để san nền và đường giao thông trong khu vực dự án;

12.401,34m³ đất bóc hữu cơ sẽ được tận dụng đắp khu vực trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

- Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí 01 điểm thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt tại khu lán trại công nhân (vị trí phía Tây Nam khu vực dự án), gồm 04 thùng đựng:

+ Đối với rác thải vô cơ: 01 thùng đựng rác có nguồn gốc kim loại hoặc nhựa (lon nước, giấy,...), rồi định kỳ bán phế liệu; 01 thùng đựng rác không có khả năng tái sử dụng, tái chế và hợp đồng với Hợp tác xã vệ sinh môi trường xã Thiên Lộc vận chuyển đi xử lý theo quy định (tần suất 02 lần/tuần).

+ Đối với rác thải hữu cơ (thức ăn thừa,...): thu gom vào 02 thùng đựng; hợp đồng với Hợp tác xã vệ sinh môi trường xã Thiên Lộc vận chuyển đi xử lý theo quy định (tần suất 02 lần/tuần).

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Bê tông, gạch vụn: tận dụng san lấp mặt bằng.

+ Ván cốt pha, cọc chống hồng: bán hoặc cho người dân đun nấu.

+ Vỏ bao xi măng, sắt thép vụn: thu gom và định kỳ (01 tháng/lần) bán phế liệu.

- Bùn cặn từ hố lắng nước xịt rửa bánh xe và bùn cặn từ nhà vệ sinh lưu động: định kỳ nạo vét, thu gom và hợp đồng với Công ty TNHH MTV chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hoặc đơn vị có chức năng vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định.

3.1.4. Về công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Bố trí 02 thùng chống thấm có nắp đậy, dán nhãn chất thải nguy hại, đặt tại khu vực lán trại. Định kỳ 06 tháng/lần hợp đồng với Công ty TNHH Một thành viên chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hoặc đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

3.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

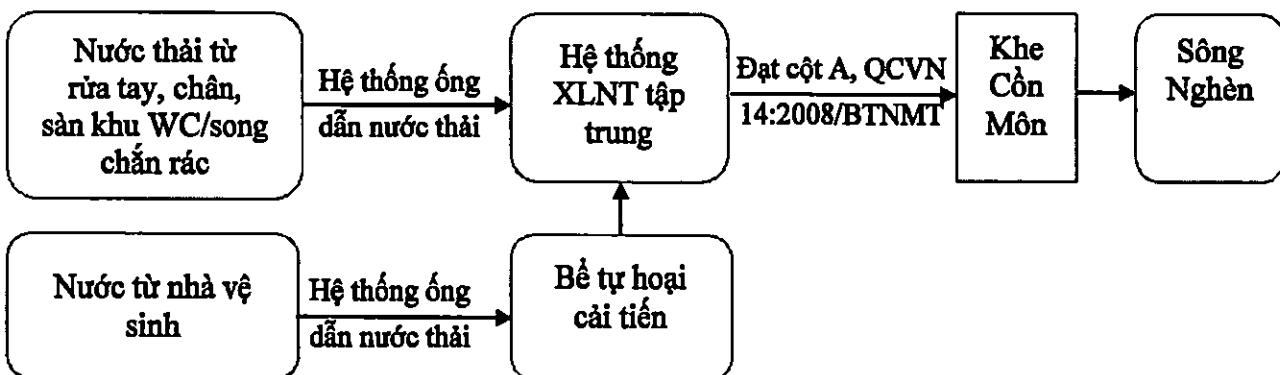
3.2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

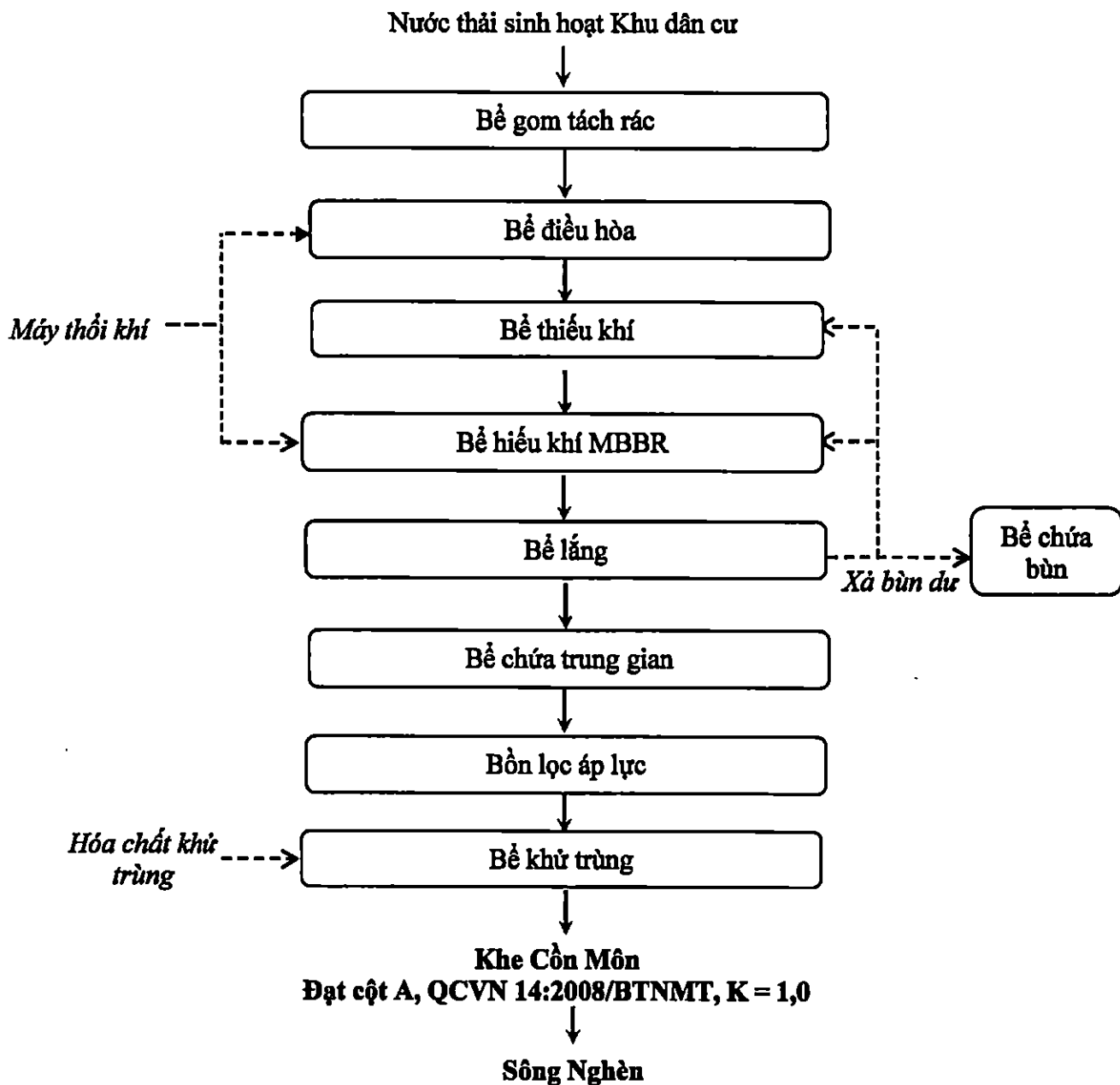
+ Nước thải từ quá trình đào thải của con người (phân, nước tiểu) được xử lý bằng bể tự hoại cải tiến BASTAF do các hộ dân tự xây dựng trong từng khu đất ở; cùng với nước thải từ khu vực tắm rửa giặt và nhà bếp của hộ gia đình, chảy qua song chắn rác để loại bỏ cặn rác có kích thước lớn (nylon, giấy, vải vụn, tóc, gạch, bông...) rồi theo đường ống thu gom nước thải chung của khu dân cư chảy vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung (bố trí tại khu vực phía Tây Bắc khu đất dự án) để tiếp tục được xử lý.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung được đề xuất theo công nghệ xử lý sinh học hiếu khí với vi sinh vật bám trên giá thể di động MBBR (Moving bed biofilm reaction) để xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường. Nước thải sau khi xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải

sinh hoạt được dẫn vào khe Côn Môn sau đó chảy ra sông Nghèn (nước sông Nghèn được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt).



Sơ đồ Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt giai đoạn hoạt động



Sơ đồ công nghệ Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Nước mưa chảy tràn: nước mưa từ các mái nhà được dẫn xuống bằng đường ống PVC rồi đổ vào hệ thống thoát nước mưa bằng cống tròn bê tông cốt thép có đường kính D600, D800, D1000 được bố trí dọc các tuyến đường. Dọc theo hệ thống mương thoát bố trí 138 hố ga lắng các cặn bẩn có trong nước mưa với khoảng cách giữa các hố khoảng 25m đến 35m. Hướng thoát nước ra khe Cồn Môn phía Tây Bắc dự án.

3.2.2. Về công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt từ khu vực công cộng, sân đường trong khu vực dự án: bố trí khoảng 30 thùng chứa rác thải sinh hoạt tại các vị trí cố định trong khu dân cư để thuận tiện cho Hợp tác xã môi trường xã Thiên Lộc thu gom, với tần suất 02 lần/tuần.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ khu nhà ở: các hộ dân tự thu gom, phân loại rác tại hộ gia đình cho vào thùng đựng rác, đến giờ nhận rác các hộ gia đình chuyển cho đơn vị thu gom, vận chuyển (Hợp tác xã môi trường xã Thiên Lộc) đi xử lý theo đúng quy định, tần suất 02 lần/tuần.

- Chất thải rắn từ hoạt động xây dựng công trình nhà ở của các hộ dân: Đối với chất thải rắn thông thường sẽ được thu gom và vận chuyển cùng với chất thải rắn sinh hoạt, còn đối với các loại chất thải rắn xây dựng như: Gạch, vữa,... phát sinh không nhiều, được sử dụng tôn nền công trình.

3.2.3. Về công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Bố trí 12 thùng chống thấm, có nắp đậy và được dán nhãn ký hiệu “RÁC THẢI NGUY HẠI” đặt tại các vị trí tập kết chất thải rắn chung trong khu dân cư (Mỗi điểm sẽ đặt 03 thùng được dán mã Chất thải nguy hại kèm hướng dẫn nhằm để người dân phân loại tại nguồn). Chất thải nguy hại tại các hộ dân sẽ được người dân tự thu gom và tập kết tại các thùng bố trí sẵn, định kỳ 06 tháng/lần, đơn vị được giao quản lý (UBND xã Thiên Lộc,...) sẽ hợp đồng Công ty TNHH MTV Chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hoặc với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và môi trường về Quản lý chất thải nguy hại.

3.2.4. Về công trình, biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác:

- Bùn phát sinh từ các bể tự hoại của các hộ dân do các hộ dân chịu trách nhiệm liên hệ hợp đồng với đơn vị có chức năng hút, vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định.

- Cặn, bùn từ trạm xử lý nước thải tập trung: Định kỳ (06 tháng 01 lần) đơn vị được giao quản lý vận hành công trình (UBND xã Thiên Lộc,...) tiến hành nạo vét, phân tích mẫu bùn để phân định, phân loại và hợp đồng với Công ty TNHH MTV Chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh vận chuyển, xử lý hoặc đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Bùn nạo vét mương thoát nước từ khu dân cư: định kỳ 06 tháng/lần chính quyền địa phương tổ chức ra quân vệ sinh môi trường, nạo vét mương thoát nước; bùn nạo vét được đưa vào khu vực trồng cây xanh.

3.2.5. Về công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác: thực hiện đầy đủ theo nội dung Báo cáo ĐTM.

3.2.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường: thực hiện đầy đủ theo nội dung Báo cáo ĐTM.

3.2.7. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Trong quá trình thực hiện Dự án, Chủ dự án cam kết tuân thủ thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường theo báo cáo và xây lắp đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường; áp dụng các giải pháp kỹ thuật và biện pháp hành chính đã nêu trong Báo cáo ĐTM để giảm xuống mức thấp nhất ô nhiễm môi trường khu vực thực hiện dự án.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về quản lý an toàn lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy; lập phương án cụ thể, chủ động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục các rủi ro, sự cố môi trường trong suốt quá trình thực hiện Dự án theo các phương án đã được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

Hệ thống mương thu gom và thoát nước mưa chảy tràn; Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt từ các hộ gia đình trong khu dân cư của dự án (sau khi đã xử lý qua bể tự hoại của từng đơn vị ở trong khu dân cư dự án), hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 120m³/ngày.đêm; Khu vực lưu chứa và các thùng đựng chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại;.....

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Các chỉ tiêu giám sát (05 chỉ tiêu): Độ ồn, Bụi, CO, SO₂, NO₂.

- Vị trí giám sát: 02 điểm

+ 01 điểm trước công ra vào dự án với đường Quốc lộ 281;

+ 01 điểm trong khu vực thi công xây dựng của dự án.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần, trong quá trình thi công xây dựng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh); QCVN 26:2010/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn).

5.1.2. Giám sát chất lượng nước thải xây dựng

- Vị trí giám sát: 02 vị trí

+ Vị trí số 01: nước thải đầu vào trước khi chảy vào bể gạn váng dầu mỡ kết hợp lắng cơ học.

+ Vị trí số 02: nước thải đầu ra sau khi qua bể lọc ngược.

- Các chỉ tiêu giám sát (12 chỉ tiêu): pH, BOD₅, COD, Chất rắn lơ lửng (SS), Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho, Amoni (tính theo N), Sắt, Tổng dầu mỡ khoáng,

Coliform, Sunfua, Clorua.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần, trong quá trình thi công xây dựng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$.

5.1.3. Giám sát chất lượng nước thải sinh hoạt

- Vị trí giám sát: 02 vị trí:
 - + Vị trí số 01: Nước thải đầu vào trước khi chảy vào bể lắng.
 - + Vị trí số 02: Nước thải đầu ra sau khi đã xử lý qua ngăn lọc cát sỏi.
- Các chỉ tiêu giám sát (11 chỉ tiêu): pH, BOD₅ (20⁰C), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Dầu mỡ động, thực vật, Nitrat (NO⁻) (tính theo N), Phosphat (PO³⁻) (tính theo P), tổng các chất hoạt động bề mặt, Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần, trong quá trình thi công xây dựng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A, K = 1,2.

5.1.4. Giám sát chất lượng nước mặt nguồn nước tiếp nhận:

- Vị trí giám sát: 02 vị trí
 - + 01 vị trí tại sông Nghèn cách điểm tiếp nhận khoảng 100m về phía hạ lưu.
 - + 01 vị trí tại khe Cồn Môn (gần điểm xả nước thải của dự án).
- Các chỉ tiêu giám sát (10 chỉ tiêu): pH, Ôxy hòa tan (DO), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅ (20⁰C), COD, Amoni (NH₄⁺ tính theo N), Nitrat (NO₃⁻ tính theo N), Phosphat (PO₄³⁻ tính theo P), Tổng dầu mỡ, Coliform.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần, trong quá trình thi công xây dựng.
- Quy chuẩn so sánh: Cột A₂, QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.1.5. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

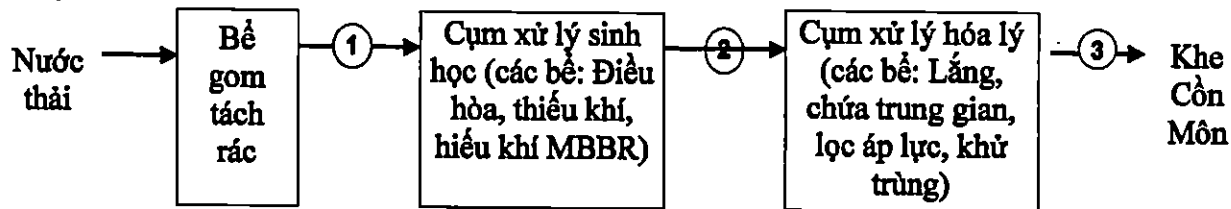
- Vị trí giám sát: tại khu vực thu gom, tập kết, lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.
- Các chỉ tiêu giám sát: khối lượng chất thải rắn phát sinh; phân định, phân loại và quá trình thu gom, tập kết, hợp đồng chuyển giao các loại chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định.
- Tần suất giám sát: thường xuyên hằng ngày.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải:

a. Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nước thải (75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm):

- Vị trí lấy mẫu: Để đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải, thiết kế các vị trí lấy mẫu đánh giá cho các công đoạn xử lý. Hệ thống xử lý nước thải

gồm 02 công đoạn chính: Công đoạn xử lý sinh học và công đoạn xử lý hóa lý. Vị trí lấy mẫu như sau:



+ Vị trí số 01: Nước thải đầu vào sau khi qua bể gom tách rác;

+ Vị trí số 02: Nước thải sau bể hiếu khí MBBR;

+ Vị trí số 03: Nước thải đầu ra sau khi qua hệ thống xử lý (sau bể khử trùng).

- Các chỉ tiêu giám sát:

+ Vị trí số 01 (06 chỉ tiêu): lưu lượng Q ($m^3/ngày.đêm$), BOD₅ (20⁰C), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (tính theo N), Phosphat (PO³⁻) (tính theo P), Dầu mỡ động, thực vật.

+ Vị trí số 02 (06 chỉ tiêu): BOD₅ (20⁰C), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (tính theo N), Dầu mỡ động, thực vật, Phosphat (PO³⁻) (tính theo P), Coliform.

+ Vị trí số 03 (03 chỉ tiêu): lưu lượng Q ($m^3/ngày.đêm$), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Coliform.

- Tần suất giám sát và quy chuẩn so sánh:

+ Đối với thông số lưu lượng Q ($m^3/ngày.đêm$): 01 lần/ngày, bằng phương pháp lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào (vị trí số 01) và đầu ra (vị trí số 03), ghi chép vào sổ theo dõi hằng ngày;

+ Đối với các thông số còn lại: 15 ngày/01 lần trong vòng 75 ngày đầu; so sánh với QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A, K = 1,0.

b. Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải (07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh):

- Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí (số 01 và số 03)

+ Vị trí số 01: nước thải đầu vào sau khi qua bể gom tách rác;

+ Vị trí số 03: nước thải đầu ra sau khi qua hệ thống xử lý (sau bể khử trùng).

- Các chỉ tiêu giám sát (12 chỉ tiêu): Lưu lượng Q ($m^3/ngày.đêm$), pH, BOD₅ (20⁰C), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO⁻) (tính theo N), Dầu mỡ động, thực vật, Phosphat (PO³⁻) (tính theo P), tổng các chất hoạt động bề mặt, Coliform.

- Tần suất giám sát và quy chuẩn so sánh:

+ Đối với thông số lưu lượng Q ($m^3/ngày.đêm$): 01 lần/ngày, thông qua đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào (vị trí số 01) và đầu ra (vị trí số 3), ghi chép vào

sổ theo dõi hằng ngày.

+ Đối với các thông số còn lại: 01 mẫu đơn nước thải đầu vào trước HTXLNT tập trung (vị trí số 1) và 07 mẫu đơn nước thải đầu ra (1 lần/ngày, trong 7 ngày liên tiếp) sau HTXLNT tập trung (vị trí số 3); so sánh QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A, K = 1,0.

5.3. Giai đoạn công trình đi vào hoạt động

5.3.1. Giám sát chất lượng nước thải sinh hoạt:

- Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí (số 01 và số 03)

+ Vị trí số 01: Nước thải đầu vào sau khi qua bể gom tách rác;

+ Vị trí số 03: Nước thải đầu ra sau khi qua hệ thống xử lý (sau bể khử trùng).

- Các chỉ tiêu giám sát (12 chỉ tiêu): Lưu lượng Q ($m^3/ngày.đêm$), pH, BOD₅ (20°C), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Dầu mỡ động, thực vật, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), tổng các chất hoạt động bề mặt, Coliform.

- Tần suất giám sát và quy chuẩn so sánh:

+ Đối với thông số lưu lượng Q ($m^3/ngày.đêm$): 01 lần/ngày, thông qua đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào (vị trí số 01) và đầu ra (vị trí số 03), ghi chép vào sổ theo dõi hằng ngày;

+ Đối với các thông số còn lại: 03 tháng/lần; QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A, K = 1,0.

5.3.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: Tại khu vực thu gom, tập kết, lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- Các chỉ tiêu giám sát: khối lượng chất thải rắn phát sinh; phân định, phân loại và quá trình thu gom, tập kết, hợp đồng chuyển giao các loại chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định.

- Tần suất giám sát: thường xuyên hằng ngày.

5.3.3. Giám sát chất lượng nước mặt nguồn nước tiếp nhận:

- Vị trí giám sát: 02 vị trí:

+ 01 vị trí tại sông Nghèn cách điểm tiếp nhận khoảng 100m về phía hạ lưu.

+ 01 vị trí tại khe Cồn Môn (gần điểm xả nước thải của dự án).

- Các chỉ tiêu giám sát (10 chỉ tiêu): pH, Ôxy hòa tan (DO), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅ (20°C), COD, Amoni (NH₄⁺ tính theo N), Nitrat (NO₃⁻ tính theo N), Phosphat (PO₄³⁻ tính theo P), Tổng dầu mỡ, Coliform.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: Cột A₂, QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

6.1. Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch quản lý môi trường và việc triển khai thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; ứng phó sự cố hóa chất; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu.

6.2. Trong quá trình hoạt động thi công xây dựng và vận hành dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu, khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi thực hiện dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý.

6.3. Đầu tư xây dựng, lắp đặt các công trình xử lý chất thải theo Báo cáo ĐTM được duyệt; lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án (nước thải, bụi, khí thải, chất thải rắn ...) về Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày dự kiến bắt đầu vận hành thử nghiệm (theo Mẫu số 09 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP) để kiểm tra vận hành thử nghiệm và thực hiện các bước tiếp theo quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều 16b thuộc Khoản 9 và Điều 17 thuộc Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP trước khi đi vào vận hành chính thức.

6.4. Rà soát điều chỉnh lại quy hoạch chi tiết tổng mặt bằng sử dụng đất của dự án phù hợp với việc bố trí các công trình bảo vệ môi trường đã đề xuất trong báo cáo ĐTM được phê duyệt theo quy định.

6.5. Hàng năm phải xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ (theo quy định tại khoản 27 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP), gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31/12 của năm trước để theo dõi, giám sát và Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Báo cáo ĐTM được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản được chấp thuận của UBND tỉnh./.


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH